

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 128/2026/HS-PT
Ngày: 23 - 4 -2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Đinh Thị Kiều Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên Tòa:**
Bà Hồ Thị Thuý Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai trực tiếp vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 112/2026/TLPT-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Hà Thị Uyên P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Hà Thị Uyên P**, sinh ngày 22/02/1983, tại Đồng Nai; CCCD số: 0751830225XX; Nơi thường trú: ấp L, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu); nơi ở hiện tại: ấp L, xã C, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Quý T, sinh năm 1961 và bà Đỗ Thị Lệ H, sinh năm 1966; gia đình có 04 ông, bà, em; bị cáo là con thứ hai; chồng Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1973, đã ly hôn; có 03 con chung, 02 con lớn sinh năm 2019 và 01 con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Ngày 11/4/2025 bị khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (*Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa*).

Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Hà Thị Uyên P: luật sư Đinh Công T1, thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Đình T2 và bị cáo Hà Thị Uyên P có mối quan hệ quen biết với nhau.

Ngày 23/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an huyện C, tỉnh Đồng Nai đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Đình T2 để điều tra về tội “Đánh bạc”.

Vào đầu tháng 03/2023 (không xác định rõ ngày), bị cáo Hà Thị Uyên P gặp ông Trần B tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện C (nay là TAND Khu vực 5 - Đồng Nai) và biết việc ông T2 đang bị tạm giam về tội “Đánh bạc”. Lúc này, ông B nói cho P biết gia đình ông T2 đang muốn bảo lãnh cho T2 tại ngoại nhưng không rõ thủ tục như thế nào. P nói với ông B là P có nhiều mối quan hệ quen biết với lãnh đạo của Công an huyện C nên có thể giúp được T2. Nghe vậy, ông B liền đưa số điện thoại của bà Lê Thị Bích T3 (là bạn của T2), để P chủ động liên lạc giúp T2. Sau đó, P đã gọi điện thoại cho bà T3 và nói có thể giúp T2 được tại ngoại với chi phí 20.000.000 đồng. Bà T3 đồng ý và chuyển số tiền 21.000.000 đồng vào tài khoản số 6717040600802XX, đăng ký đứng tên P tại Ngân hàng V để P giúp cho ông T2 được tại ngoại (trong đó: 20.000.000 đồng lo cho T2 tại ngoại, còn 1.000.000 đồng bà T3 gửi lưu ký cho T2). Sau khi nhận tiền từ bà T3, P có liên hệ với một người đàn ông tên B1 (không xác định được nhân thân, lai lịch) để hỏi thăm nhờ xin cho T2 tại ngoại nhưng không được. P không nói lại cho bà T3 biết mà đã sử dụng hết số tiền 21.000.000 đồng trên để trả nợ cá nhân, không giúp gì cho T2 như đã hứa hẹn. Ngày 03/03/2023, bà Nguyễn Thị T4 (vợ của ông T2) và ông Trần Đình T5 (anh trai của ông T2) cùng gửi đơn đến CQCSĐT Công an huyện C xin bảo lãnh cho T2 tại ngoại. Ngày 14/3/2023, T2 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh theo quy định của pháp luật vì phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng.

Sau khi T2 được người thân bảo lãnh, P biết T2 không muốn bị kết án phạt tù nên đã chủ động liên hệ và nói với T2 rằng P có mối quan hệ quen biết sẽ giúp được cho T2 không bị khởi tố hoặc Tòa án xét xử không phải đi tù với số tiền 400.000.000 đồng. Do lo sợ bị kết án phạt tù và tin tưởng lời nói của P nên T2 đã nhiều lần chuyển vào tài khoản số 6717040600802XX của P với tổng số

tiền 350.000.000 đồng để P giúp T2 như hứa hẹn, nhận được tiền của ông T2, bị cáo P không giúp gì cho T2 như đã hứa hẹn mà dùng số tiền vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân. Để che giấu hành vi của mình và tiếp tục gian dối với T2 thì P đã liên hệ với ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1983, thường trú: thôn P, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã B, tỉnh Phú Thọ) nhờ H2 thuê luật sư giúp T2. Thông qua mối quan hệ, ông H2 đã giúp P thuê luật sư cho T2, đồng thời P chuyển trả trước chi phí cho ông H2 số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, P được giới thiệu gặp 02 nhân viên công tác tại Ban nhân đạo là bà Lương Thị H3, sinh năm 1984, thường trú: tổ A, Thôn G, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) và bà Đặng Thị Việt H4, sinh năm 1971, thường trú: số F, nhà A, thị trấn N, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội) để tìm cách giúp T2. Sau khi trao đổi, P nhờ bà H3 và bà H4 đến huyện C đưa tin trợ giúp pháp luật lên truyền thông xem T2 có bị khởi tố oan, sai hay không. Ngày 18/06/2023, bà H3 và bà H4 được P mua vé máy bay từ thành phố Hà Nội vào huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi gặp P trao đổi và biết được việc P muốn “chạy án” giúp cho T2 thì bà H3 và bà H4 không đồng ý và ra về. Đến ngày 21/06/2023, T2 bị TAND huyện Cẩm Mỹ bắt tạm giam và bị phạt tù giam. Lúc này, T2 biết P nhận tiền nhưng đã không giúp gì cho T2. Đồng thời, T2 nhận thức được hành vi đưa tiền cho P để “chạy án” là đưa hối lộ nên T2 gửi đơn trình báo và tố cáo hành vi của P đến cơ quan Công an. Về phần Lê Thị Bích T3, sau khi biết P nhận số tiền 21.000.000 đồng nhưng sử dụng vào việc cá nhân, không giúp cho T2 tại ngoại thì ngày 10/03/2024 đã chủ động đến cơ quan Công an khai báo và tố cáo hành vi của Hà Thị Uyên P.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo Hà Thị Uyên P đã trả số tiền 270.000.000 đồng cho Trần Đình T2, số tiền 80.000.000 đồng hiện nay vẫn chưa khắc phục được. Riêng số tiền 20.000.000 đồng ông T2 và bà Lê Thị Bích T3 đã tự xử lý với nhau; ông T2 và bà T3 không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS;

Tuyên bố bị cáo Hà Thị Uyên P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Uyên P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự

Buộc bị cáo Hà Thị Uyên P phải trả lại cho bị hại Trần Đình T2 số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/01/2026, bị cáo Hà Thị Uyên P kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo vắng mặt không có lý do chính đáng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hà Thị Uyên P được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Bị cáo Hà Thị Uyên P và người bào chữa theo yêu cầu đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và Thông báo số: 24/2026/TB-HSPT ngày 20-4-2026 về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự với lý do Tòa án nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của Luật sư Đinh Công T1 là người bào chữa cho bị cáo Hà Thị Uyên P; bị cáo P và người bào chữa vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; Xét thấy, trong vụ án chỉ có kháng cáo của bị cáo và không có kháng nghị của Viện kiểm sát về tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, việc vắng mặt của bị cáo và người bào chữa không làm ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Hà Thị Uyên P.

[3] Căn cứ lời trình bày của bị cáo, bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định:

Vào tháng 3/2023, khi biết ông T2 đang bị tạm giam về tội “Đánh bạc”, bị cáo Hà Thị Uyên P mặc dù không có khả năng giúp Trần Đình T2 được tại

ngoại và “chạy án” nhưng đã cố tình đưa ra thông tin gian dối về mối quan hệ của mình với những cán bộ lãnh đạo nhằm tạo niềm tin cho các bị hại, giúp được bị hại T2 không phải đi tù về tội “đánh bạc” do các cơ quan tiến hành tố tụng đang điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử và đã chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của bà Lê Thị Bích T3 và 350.000.000 đồng của ông Trần Đình T2 để tiêu xài cho mục đích cá nhân; việc bị cáo liên hệ với các cá nhân như ông B1, ông H3, bà H4, bà H3, chỉ là nhằm che đậy sự gian dối của mình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hà Thị Uyên P về việc xin giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường hơn $\frac{3}{4}$ số tiền đã chiếm đoạt và đã được bị hại làm đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, hoàn cảnh bị cáo khó khăn, vợ chồng đã ly hôn, bị cáo phải nuôi 03 con nhỏ dưới 15 tuổi; ở địa phương bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen của các cơ quan nhà nước vì có nhiều hoạt động từ thiện; gia đình nội ngoại hai bên của bị cáo là những người có công với cách mạng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, nằm trong khung hình phạt của điều luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh bị cáo còn có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng chưa được Tòa án xem xét. Do đó, việc bị cáo xin giảm hình phạt là không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Hà Thị Uyên P.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hà Thị Uyên P.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Hà Thị Uyên P.

Tuyên bố bị cáo Hà Thị Uyên P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hà Thị Uyên P 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 Công an tỉnh Đồng Nai;
- TAND khu vực 5 - Đồng Nai;
- VKSND khu vực 5 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đồng Nai;
- UBND xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (thay cho Thông báo)
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, THS, HSVA (15b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nga